

Số: **74** /2021/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày **04** tháng **12** năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định trình tự thủ tục thực hiện, giám sát, quản lý dự án đầu tư và xây dựng không sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn các Khu kinh tế, Khu công nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;
Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;
Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;
Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Luật Nhà ở ngày 25 tháng 11 năm 2014;
Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;
Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;
Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;
Căn cứ Luật Phòng cháy và Chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy ngày 22 tháng 11 năm 2013;
Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;
Căn cứ Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Thông tư 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh tại Tờ trình số 2096/TTr-KKTCN ngày 15 tháng 11 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định trình tự thủ tục thực hiện, giám sát, quản lý dự án đầu tư và xây dựng không sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn các Khu kinh tế, Khu công nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2021.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

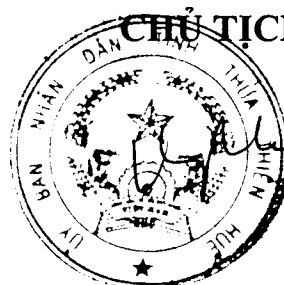
Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã; Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KTVBQPPL-Bộ Tư pháp;
- TV Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Viện KSND tỉnh; TAND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- VP: CVP và các PCVP UBND tỉnh;
- Website Chính phủ;
- Báo Thừa Thiên Huế;
- Công báo tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, QHXT, NĐ.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Phương



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Trình tự thủ tục thực hiện, giám sát, quản lý dự án đầu tư và xây dựng không sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn Khu kinh tế, Khu công nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế
(Ban hành kèm theo Quyết định số 74 /2021/QĐ-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định trình tự thủ tục thực hiện, giám sát, quản lý dự án đầu tư kinh doanh (không bao gồm các dự án đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công, dự án đầu tư kinh doanh theo hình thức đối tác công tư) có nhu cầu thuê đất, giao đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất trên địa bàn Khu kinh tế, Khu công nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với nhà đầu tư và cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động đầu tư sản xuất, kinh doanh trên địa bàn Khu kinh tế, Khu công nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 3. Nguyên tắc chung trong việc thực hiện thủ tục, giám sát, quản lý dự án đầu tư và xây dựng không sử dụng vốn ngân sách nhà nước

1. Tuân thủ quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh, quy hoạch tỉnh, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng, quy hoạch ngành, chương trình phát triển đô thị (nếu có) theo quy định của pháp luật về phát triển đô thị đã được phê duyệt và các quy định liên quan theo các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Hồ sơ, giấy tờ nhà đầu tư nộp, được ký số, xác thực khi thực hiện thủ tục hành chính tại Cổng dịch vụ công của tỉnh được kế thừa và sử dụng cho các lần giao dịch tiếp theo (chỉ cần nộp một lần nếu không có sự thay đổi). Cơ quan thụ lý hồ sơ có trách nhiệm tra cứu, sử dụng hồ sơ điện tử đã được số hóa, ký số và lưu trữ tại Cổng dịch vụ công của tỉnh để giải quyết thủ tục hành chính cho nhà đầu tư. Dữ liệu tại Cổng dịch vụ công tỉnh được cập nhật, liên thông với hệ thống phần mềm giám sát, quản lý dự án đầu tư.

3. Cơ quan được lấy ý kiến về dự án đầu tư có trách nhiệm trả lời cơ quan lấy ý kiến bằng văn bản trong thời hạn quy định tại Quy định này; quá thời hạn quy định mà không có ý kiến được xem là đã đồng ý với những nội dung thuộc lĩnh vực quản lý của mình.

4. Trường hợp thủ tục hành chính liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của nhiều cơ quan thì cơ quan nhà nước được giao chủ trì xử lý không xem xét lại kết quả đã được thẩm định của các cơ quan chuyên ngành khác, trừ trường hợp có chỉ đạo của cơ quan cấp trên.

5. Thời hạn giải quyết hồ sơ của các cơ quan, đơn vị liên quan là thời gian giao dịch hành chính trong hệ thống lưu trữ, được theo dõi, quản lý bằng Hệ thống phần mềm giám sát, quản lý dự án đầu tư.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế (sau đây viết tắt là Ban Quản lý) là cơ quan có thẩm quyền quản lý nhà nước trên địa bàn các Khu kinh tế, Khu công nghiệp tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ, phân cấp, ủy quyền của UBND tỉnh.

2. Bên mời thầu là đơn vị trực thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Dự án đầu tư thứ cấp là dự án đầu tư thuê lại đất của nhà đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng, thuê lại nhà xưởng xây sẵn trong Khu công nghiệp, Khu kinh tế.

4. Hệ thống phần mềm giám sát, quản lý dự án đầu tư là hệ thống thông tin điện tử được sử dụng để cập nhật, lưu trữ, thực hiện báo cáo, quản lý thông tin về dự án đầu tư kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Thông tin lưu trữ tại Hệ thống phần mềm giám sát, quản lý dự án đầu tư được sử dụng thống nhất và xuyên suốt trong quá trình thực hiện các thủ tục về dự án đầu tư.

5. Khu công nghiệp gồm: Khu công nghiệp Phong Điền, Khu công nghiệp Tứ Hạ, Khu công nghiệp Quảng Vinh, Khu công nghiệp Phú Bài, Khu công nghiệp La Sơn và Khu công nghiệp Phú Đa.

6. Khu kinh tế gồm: Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô, Khu kinh tế Cửa khẩu A Đốt.

7. Số ngày giải quyết hồ sơ được quy định tại Quy định này là số ngày làm việc theo quy định.

8. Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) cấp huyện gồm: UBND các huyện Phong Điền, Quảng Điền, Phú Vang, Phú Lộc, A Lưới và UBND các thị xã Hương Trà, Hương Thủy.

Chương II **TRÌNH TỰ, TRÁCH NHIỆM GIẢI QUYẾT** **CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

Điều 5. Trình tự thực hiện dự án

Thực hiện theo quy định tại Điều 5 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 35/2021/QĐ-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2021 của UBND tỉnh Thừa Thiên

Huế quy định trình tự thủ tục thực hiện, giám sát, quản lý dự án đầu tư và xây dựng không sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 6. Nguyên tắc giải quyết các thủ tục hành chính

1. Ban Quản lý là cơ quan đầu mối tiếp nhận các thủ tục hành chính, thực hiện chức năng quản lý nhà nước; lập danh mục dự án thu hút đầu tư trên địa bàn Khu kinh tế, Khu công nghiệp trình UBND tỉnh phê duyệt để công bố công khai theo quy định.

2. Ban Quản lý là cơ quan đầu mối hỗ trợ, hướng dẫn nhà đầu tư thực hiện thủ tục Chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án thuộc thẩm quyền của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ và UBND tỉnh.

Điều 7. Thẩm quyền trong lựa chọn nhà đầu tư dự án có sử dụng đất

1. Trưởng ban Ban Quản lý là người có thẩm quyền phê duyệt chấp thuận chủ trương đầu tư, danh mục dự án có sử dụng đất, kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, kết quả lựa chọn nhà đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư; quyết định áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi theo quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều 10 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư và khoản 3 Điều 108 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư và giao đơn vị trực thuộc Ban Quản lý làm bên mời thầu, đàm phán và hoàn thiện hợp đồng đối với dự án thực hiện tại Khu kinh tế.

2. Ban Quản lý phê duyệt yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư trước khi công bố danh mục dự án.

3. Ban Quản lý chủ trì xây dựng và lấy ý kiến các cơ quan nhà nước có liên quan về phương pháp, nội dung xác định sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án, không bao gồm chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, tiền sử dụng đất, tiền thuê đất (giá trị M_1) do bên mời thầu xác định; chủ trì xây dựng và lấy ý kiến về phương pháp, nội dung tiền sử dụng đất, tiền thuê đất dự kiến do bên mời thầu xác định; thẩm định các nội dung: yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư, kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, kết quả lựa chọn nhà đầu tư.

4. Ban Quản lý là cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng với nhà đầu tư.

Điều 8. Hình thức lựa chọn nhà đầu tư đối với dự án thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất, dự án theo luật chuyên ngành, pháp luật về xã hội hóa

1. Hình thức đấu thầu rộng rãi quốc tế áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP.

2. Hình thức đấu thầu rộng rãi trong nước áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP và khoản 3 Điều 108 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

Chương III

LẬP, PHÊ DUYỆT, CÔNG BỐ DANH MỤC DỰ ÁN VÀ CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN

Điều 9. Lập, phê duyệt, công bố danh mục dự án làm cơ sở để lập hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư

1. Lập danh mục dự án làm cơ sở để lập hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư: Ban Quản lý căn cứ quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch ngành, kế hoạch có liên quan khác lập danh mục dự án trình UBND tỉnh phê duyệt làm cơ sở chấp thuận chủ trương đầu tư để công bố danh mục thu hút đầu tư theo thời kỳ kế hoạch 05 năm (danh mục này sẽ được cập nhật bổ sung thường xuyên). Việc lập, phê duyệt danh mục dự án đầu tư theo thời kỳ kế hoạch 05 năm hoàn thành trong quý IV của năm cuối kỳ kế hoạch trước.

2. Phê duyệt danh mục dự án kêu gọi đầu tư: Ban Quản lý tổ chức lấy ý kiến các cơ quan nhà nước có liên quan (nếu cần thiết) để tổng hợp, hoàn chỉnh và trình UBND tỉnh phê duyệt danh mục dự án làm cơ sở để lập hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư.

3. Công bố danh mục dự án kêu gọi đầu tư: Văn phòng UBND tỉnh đăng tải danh mục dự án kêu gọi đầu tư trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh tại địa chỉ <https://thuathienhue.gov.vn>, Ban Quản lý đăng tải danh mục dự án kêu gọi đầu tư trên trang thông tin điện tử của Ban Quản lý tại địa chỉ <https://bqlkktcn.thuathienhue.gov.vn>.

Điều 10. Lập, đề nghị, thẩm định, chấp thuận chủ trương đầu tư

1. Trình tự lập, đề nghị, thẩm định, chấp thuận chủ trương đầu tư dự án thực hiện theo quy định tại Điều 10 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 35/2021/QĐ-UBND.

2. Cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ và tổ chức thẩm định: Ban Quản lý.

3. Thành phần hồ sơ và thời gian giải quyết theo quy định của Bộ thủ tục hành chính được công bố và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh Thừa Thiên Huế tại địa chỉ: <https://www.tthc.thuathienhue.gov.vn> và trên trang thông tin điện tử của Ban Quản lý tại địa chỉ: <https://www.bqlkktcn.thuathienhue.gov.vn>.

4. Đối với hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án do Ban Quản lý lập, Ban Quản lý giao các phòng chuyên môn lập, tổ chức thẩm định để chấp thuận chủ trương đầu tư đầu tư dự án.

5. Ban Quản lý báo cáo UBND tỉnh xem xét, thống nhất chủ trương thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư dự án. Đối với các dự án thuộc diện phải xin ý kiến của cấp có thẩm quyền theo quy định, Ban Quản lý tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh đề xin ý kiến của cấp có thẩm quyền. Sau khi có ý kiến thống nhất chủ trương của UBND tỉnh bằng văn bản, Ban Quản lý chấp thuận chủ trương đầu tư.

6. Đối với các dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh, Ban Quản lý tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án, trình UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật hiện hành có liên quan khác.

7. Trường hợp khi thẩm định hồ sơ chấp thuận chủ trương đầu tư dự án có chuyển mục đích sử dụng rừng; Ban Quản lý tổng hợp báo cáo thẩm định, đồng thời đề xuất cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc nhà đầu tư đề xuất chấp thuận chủ trương đầu tư nộp hồ sơ thẩm định, phê duyệt chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo Điều 11 Quy định này. Sau khi có chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của cấp có thẩm quyền, Ban Quản lý quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc trình UBND tỉnh quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư.

Điều 11. Thẩm định, phê duyệt chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác

Trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định tại Điều 11 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 35/2021/QĐ-UBND.

Chương IV

LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Mục 1

ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Điều 12. Các trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất

1. Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 118 Luật Đất đai.

2. Các cơ sở nhà đất thuộc nhà nước quản lý.

Điều 13. Trình tự thủ tục đấu giá quyền sử dụng đất

Trình tự thủ tục đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện theo quy định của pháp luật, quy định của UBND tỉnh.

Điều 14. Trình tự triển khai dự án sau khi có kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất.

Sau khi trúng đấu giá, nhà đầu tư thực hiện các thủ tục theo quy định tại các Chương VI, Chương VII, Chương VIII, Chương IX, Chương X, Chương XI Quy định này; trừ các thủ tục lập quy hoạch chi tiết, bồi thường hỗ trợ tái định cư, trồng rừng thay thế diện tích rừng chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

Mục 2**LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN
THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ ĐẦU THẦU****Điều 15. Điều kiện xác định dự án**

Thực hiện theo quy định tại Điều 15 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 35/2021/QĐ-UBND.

Điều 16. Các trường hợp không được tham gia đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất khi công bố danh mục dự án đầu tư

Thực hiện theo quy định tại Điều 16 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 35/2021/QĐ-UBND.

Điều 17. Lập, phê duyệt và công bố danh mục dự án có sử dụng đất

1. Trình tự lập, phê duyệt và công bố danh mục dự án sử dụng đất thực hiện theo quy định tại Điều 17 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 35/2021/QĐ-UBND.

2. Công bố danh mục dự án: Ban Quản lý đăng tải thông tin dự án lên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo quy định.

Điều 18. Chuẩn bị, nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án và đánh giá năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư

1. Trình tự chuẩn bị, nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án và đánh giá năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 18 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 35/2021/QĐ-UBND.

2. Cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ và đánh giá hồ sơ: Ban Quản lý.

3. Căn cứ kết quả đánh giá, Trưởng ban Ban Quản lý quyết định các nội dung quy định tại khoản 4 Điều 18 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 35/2021/QĐ-UBND và giao đơn vị trực thuộc Ban Quản lý làm bên mời thầu.

Điều 19. Lập kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư

1. Căn cứ lập kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư đối với dự án có sử dụng đất thực hiện theo điểm b khoản 1 Điều 24 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP.

2. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này, Ban Quản lý giao bên mời thầu lập kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư, trình Trưởng ban Ban Quản lý phê duyệt.

Điều 20. Trình tự thủ tục đấu thầu rộng rãi lựa chọn nhà đầu tư

1. Trình tự thủ tục đấu thầu rộng rãi lựa chọn nhà đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 20 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 35/2021/QĐ-UBND.

2. Về việc lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu

a) Bên mời thầu lập Hồ sơ mời thầu gửi Ban Quản lý tổ chức thẩm định, phê duyệt.

b) Trong quá trình thẩm định hồ sơ mời thầu, Ban Quản lý phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định giá trị M_3 do bên mời thầu đề xuất.

3. Sau khi có kết quả lựa chọn nhà đầu tư, nhà đầu tư thực hiện các thủ tục theo quy định tại các Chương V, Chương VI, Chương VII, Chương VIII, Chương IX, Chương X, Chương XI Quy định này.

Mục 3

LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN THEO PHÁP LUẬT CHUYÊN NGÀNH, PHÁP LUẬT VỀ XÃ HỘI HÓA

Điều 21. Điều kiện xác định dự án

Thực hiện theo quy định tại Điều 21 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 35/2021/QĐ-UBND.

Điều 22. Lập, phê duyệt và công bố danh mục dự án

1. Lập, phê duyệt, công bố danh mục dự án thực hiện theo quy định tại Điều 22 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 35/2021/QĐ-UBND.

2. Ban Quản lý phối hợp với các cơ quan có liên quan xác định yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư trước khi công bố danh mục dự án.

3. Công bố danh mục dự án: Ban Quản lý đăng tải thông tin dự án lên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo quy định.

Điều 23. Chuẩn bị, nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án và đánh giá năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư

1. Nội dung, trình tự thủ tục chuẩn bị, nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án và đánh giá năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 23 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 35/2021/QĐ-UBND.

2. Cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ và đánh giá hồ sơ: Ban Quản lý.

3. Căn cứ kết quả đánh giá, Trưởng ban Ban Quản lý quyết định các nội dung quy định tại khoản 4 Điều 23 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 35/2021/QĐ-UBND và giao đơn vị trực thuộc Ban Quản lý làm bên mời thầu.

4. Sau khi có kết quả lựa chọn nhà đầu tư, nhà đầu tư thực hiện các thủ tục theo quy định tại các Chương V, Chương VI, Chương VII, Chương VIII, Chương IX, Chương X, Chương XI Quy định này.

Mục 4

LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN NHÀ Ở XÃ HỘI

Điều 24. Trình tự thủ tục lựa chọn chủ đầu tư dự án nhà ở xã hội

Quy định lựa chọn chủ đầu tư dự án nhà ở xã hội bằng nguồn vốn ngoài vốn ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định pháp luật về nhà ở xã hội và quy định của UBND tỉnh.

Điều 25. Trình tự triển khai dự án nhà ở xã hội sau khi có kết quả lựa chọn chủ đầu tư

Sau khi có kết quả lựa chọn chủ đầu tư, nhà đầu tư thực hiện các thủ tục theo quy định tại các Chương V, Chương VI, Chương VII, Chương VIII, Chương IX, Chương X, Chương XI Quy định này.

Mục 5

**CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ ĐỒNG THỜI
CHẤP THUẬN NHÀ ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN**

Điều 26. Xác định dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư

1. Dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại khoản 4 Điều 29 Luật Đầu tư và khoản 5 Điều 29 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

2. Trường hợp dự án đầu tư quy định tại khoản 1 Điều này mà có từ hai nhà đầu tư trở lên cùng nộp hồ sơ hợp lệ đề nghị thực hiện dự án đầu tư tại một địa điểm thì thực hiện thủ tục theo quy định tại khoản 7 Điều 29 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

Điều 27. Hồ sơ, thủ tục lập, thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư

1. Trường hợp dự án đầu tư quy định tại khoản 1 Điều 26 Quy định này mà có một nhà đầu tư nộp hồ sơ hợp lệ đề nghị thực hiện dự án đầu tư tại một địa điểm thì thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư như sau:

a) Nhà đầu tư lập hồ sơ chấp thuận chủ trương đầu tư gửi Ban Quản lý. Nội dung đề nghị thuận chủ trương đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư và các khoản 2, 3 Điều 31 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

b) Cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ: Ban Quản lý (Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Ban Quản lý tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh).

c) Thành phần hồ sơ và thời gian giải quyết: Theo quy định của Bộ thủ tục hành chính được công bố trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh Thừa Thiên Huế tại địa chỉ: <https://www.tthc.thuathienhue.gov.vn> và Trang thông tin điện tử của Ban Quản lý tại địa chỉ: <https://www.bqlkktcn.thuathienhue.gov.vn>.

d) Nội dung thẩm định đề nghị Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư theo quy định tại khoản 4 Điều 33 Luật Đầu tư và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP và theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Trường hợp dự án đầu tư quy định tại khoản 1 Điều 26 Quy định này mà có từ hai nhà đầu tư trở lên cùng nộp hồ sơ hợp lệ đề nghị thực hiện dự án đầu tư tại một địa điểm, Ban Quản lý báo cáo UBND tỉnh xem xét, thống nhất chủ trương thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư dự án và chọn áp dụng pháp luật về đầu thầu để tổ chức lựa chọn nhà đầu tư trong số những nhà đầu tư đã nộp hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 7 Điều 29 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

3. Sau khi được Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư, nhà đầu tư thực hiện các thủ tục theo quy định tại các Chương V, Chương VI, Chương VII, Chương VIII, Chương IX, Chương X, Chương XI Quy định này.

Mục 6

CHẤP THUẬN NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 28. Xác định dự án thuộc diện chấp thuận nhà đầu tư

Chấp thuận nhà đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Luật Đầu tư và khoản 3 Điều 29 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

Điều 29. Chấp thuận nhà đầu tư

1. Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

2. Cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ: Ban Quản lý (Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Ban Quản lý tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh).

3. Thành phần hồ sơ và thời gian giải quyết: Theo quy định của Bộ thủ tục hành chính được công bố trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh Thừa Thiên Huế tại địa chỉ: <https://www.tthc.thuathienhue.gov.vn> và Trang thông tin điện tử của Ban Quản lý tại địa chỉ: <https://www.bqlkktcn.thuathienhue.gov.vn>.

4. Nội dung thẩm định thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 30 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 35/2021/QĐ-UBND.

5. Sau khi được chấp thuận nhà đầu tư, nhà đầu tư thực hiện các thủ tục theo quy định tại các Chương V, Chương VI, Chương VII, Chương VIII, Chương IX, Chương X, Chương XI Quy định này.

Điều 30. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

1. Trường hợp thực hiện, trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 35/2021/QĐ-UBND.

2. Cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ: Ban Quản lý (Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Ban Quản lý tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh).

3. Thành phần hồ sơ và thời gian giải quyết: Theo quy định của Bộ thủ tục hành chính được công bố trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh Thừa Thiên Huế tại địa chỉ: <https://www.tthc.thuathienhue.gov.vn> và trang thông tin điện tử của Ban Quản lý tại địa chỉ: <https://www.bqlkktcn.thuathienhue.gov.vn>.

4. Ban Quản lý báo cáo UBND tỉnh xem xét, thống nhất chủ trương trước khi thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án.

5. Ban Quản lý có văn bản lấy ý kiến các cơ quan, địa phương liên quan về các nội dung theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có) trước khi cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

Điều 31. Thành lập doanh nghiệp và tổ chức kinh tế khác đối với nhà đầu tư nước ngoài đầu tư theo hình thức thành lập tổ chức kinh tế

Thực hiện theo quy định tại Điều 32 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 35/2021/QĐ-UBND.

Điều 32. Điều chỉnh dự án đầu tư

1. Nội dung, trình tự thực hiện điều chỉnh dự án theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 35/2021/QĐ-UBND.

2. Cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ: Ban Quản lý (Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Ban Quản lý tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh).

3. Thành phần hồ sơ, thời gian giải quyết: Thực hiện theo quy định của Bộ thủ tục hành chính được công bố trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh Thừa Thiên Huế tại địa chỉ: <https://www.tthc.thuathienhue.gov.vn> và trang thông tin điện tử của Ban Quản lý tại địa chỉ: <https://www.bqlkktcn.thuathienhue.gov.vn>.

Điều 33. Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

1. Thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định tại các Điều 35, 36 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

2. Cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ: Ban Quản lý (Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Ban Quản lý tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh).

3. Thành phần hồ sơ, thời gian giải quyết: Thực hiện theo quy định của Bộ thủ tục hành chính được công bố trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh Thừa Thiên Huế tại địa chỉ: <https://www.tthc.thuathienhue.gov.vn> và trang thông tin điện tử của Ban Quản lý tại địa chỉ: <https://www.bqlkktcn.thuathienhue.gov.vn>.

Điều 34. Chuyển nhượng dự án

1. Nội dung, trình tự thủ tục chuyển nhượng dự án theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 35/2021/QĐ-UBND.

2. Cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ: Ban Quản lý (Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Ban Quản lý tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh).

3. Thành phần hồ sơ, thời gian giải quyết: Thực hiện theo quy định của Bộ thủ tục hành chính được công bố trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh Thừa Thiên Huế tại địa chỉ: <https://www.tthc.thuathienhue.gov.vn> và trang thông tin điện tử của Ban Quản lý tại địa chỉ: <https://www.bqlkktcn.thuathienhue.gov.vn>.

4. Đối với dự án đầu tư không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 46 Luật Đầu tư việc chuyển nhượng dự án đầu tư hoặc chuyển quyền sở hữu tài sản cho nhà đầu tư tiếp nhận dự án đầu tư sau khi chuyển

nhượng thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự, doanh nghiệp, kinh doanh bất động sản và quy định khác của pháp luật có liên quan.

5. Ban Quản lý báo cáo UBND tỉnh xem xét, thống nhất chủ trương thực hiện thủ tục chuyển nhượng dự án. Sau khi có ý kiến thống nhất chủ trương của UBND tỉnh bằng văn bản, Ban Quản lý thực hiện thủ tục chuyển nhượng dự án theo quy định.

Điều 35. Ngừng hoạt động của dự án đầu tư

1. Trình tự, thủ tục ngừng hoạt động của dự án đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 36 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 35/2021/QĐ-UBND.

2. Trường hợp tự quyết định ngừng hoạt động một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư, nhà đầu tư gửi thông báo cho Ban Quản lý trong thời hạn theo quy định.

Điều 36. Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư

1. Điều kiện, thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư theo quy định tại Điều 37 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 35/2021/QĐ-UBND.

2. Trường hợp tự quyết định chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 48 của Luật Đầu tư, nhà đầu tư gửi quyết định chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư cho Cơ quan đăng ký đầu tư trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày quyết định, kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có);

3. Ban Quản lý báo cáo UBND tỉnh xem xét, thống nhất chủ trương trước khi thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư theo quy định.

Điều 37. Đảm bảo thực hiện dự án

Thực hiện theo quy định tại Điều 38 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 35/2021/QĐ-UBND.

Chương V

**LẬP QUY HOẠCH; LẬP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG,
GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ HOẶC NHẬN
CHUYỂN NHƯỢNG, THUÊ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, NHẬN GÓP
VỐN BẰNG QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT ĐỂ SẢN XUẤT, KINH DOANH**

Điều 38. Lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng, quy hoạch tổng mặt bằng

1. Trình tự thủ tục theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 35/2021/QĐ-UBND.

2. Cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ: Ban Quản lý (Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Ban Quản lý tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh).

3. Thành phần hồ sơ và thời gian giải quyết: Thực hiện theo quy định của Bộ thủ tục hành chính được công bố trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh Thừa Thiên Huế tại địa chỉ: <https://www.tthc.thuathienhue.gov.vn> và trang thông tin điện tử của Ban Quản lý tại địa chỉ: <https://www.bqlkktcn.thuathienhue.gov.vn>.

Điều 39. Trình tự thủ tục thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định tại Điều 62 Luật Đất đai năm 2013. Việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được thực hiện theo quy định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 40. Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất, thuê quyền sử dụng đất để sản xuất, kinh doanh (trường hợp nhà nước không thu hồi đất)

Thực hiện theo quy định tại Điều 41 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 35/2021/QĐ-UBND.

Chương VI
LẬP CÁC THỦ TỤC LIÊN QUAN
ĐỂ ĐƯỢC GIAO ĐẤT, CHO THUÊ ĐẤT

Điều 41. Xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường

1. Cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ: Ban Quản lý (Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Ban Quản lý tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh) xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường của các dự án theo quy định tại Khoản 11 Điều 1 của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ Môi trường.

2. Thành phần hồ sơ và thời gian giải quyết: Thực hiện theo quy định của Bộ thủ tục hành chính được công bố và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh Thừa Thiên Huế tại địa chỉ: <https://www.tthc.thuathienhue.gov.vn> và trên trang thông tin điện tử của Ban Quản lý tại địa chỉ: <https://www.bqlkktcn.thuathienhue.gov.vn>.

Điều 42. Thẩm định, phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh

1. Cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ: Ban Quản lý (Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Ban Quản lý tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh) tiếp nhận hồ sơ của các dự án thuộc đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 1 của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP.

2. Thành phần hồ sơ và thời gian giải quyết: Thực hiện theo quy định của Bộ thủ tục hành chính được công bố và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh Thừa Thiên Huế tại địa chỉ: <https://www.tthc.thuathienhue.gov.vn> và trên trang thông tin điện tử của Ban Quản lý tại địa chỉ: <https://www.bqlkktcn.thuathienhue.gov.vn>.

Điều 43. Thẩm định, phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của các Bộ, ngành

Thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP.

Điều 44. Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng

1. Nội dung, trình tự thủ tục thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng thực hiện theo Điều 45 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 35/2021/QĐ-UBND.

2. Cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ: Ban Quản lý (Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Ban Quản lý tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh), trừ các công trình thuộc thẩm quyền của cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thẩm định theo phân cấp hiện hành.

3. Thành phần hồ sơ và thời gian giải quyết: Thực hiện theo quy định của Bộ thủ tục hành chính được công bố và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh Thừa Thiên Huế tại địa chỉ: <https://www.tthc.thuathienhue.gov.vn> và trên trang thông tin điện tử của Ban Quản lý tại địa chỉ: <https://www.bqlkktcn.thuathienhue.gov.vn>.

4. Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thẩm định đối với dự án do Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư; dự án nhóm A; dự án đầu tư xây dựng có công trình cấp đặc biệt, cấp I; dự án được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của 02 tỉnh trở lên.

Điều 45. Thẩm duyệt hoặc cho ý kiến phòng cháy chữa cháy

1. Cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ: Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu hộ, cứu nạn - Công an tỉnh Thừa Thiên Huế hoặc Ban Quản lý (Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh).

2. Thành phần hồ sơ và thời gian giải quyết: Thực hiện theo quy định của Bộ thủ tục hành chính được công bố trên cổng thông tin điện tử của tỉnh Thừa Thiên Huế tại địa chỉ: <https://www.thuathienhue.gov.vn/> và trang thông tin điện tử của Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu hộ, cứu nạn - Công an tỉnh Thừa Thiên Huế tại địa chỉ: <https://congan.thuathienhue.gov.vn>.

Điều 46. Cung cấp thông tin, thỏa thuận về cấp nước, thoát nước, cấp điện

Nhà đầu tư liên hệ trực tiếp Ban Quản lý để được hướng dẫn đầu nối công trình hạ tầng giao thông, thoát nước, xử lý nước thải đối với dự án trên địa bàn Khu kinh tế, khu công nghiệp.

Điều 47. Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (áp dụng đối với công trình thuộc dự án được xây dựng tại khu vực không có quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn)

1. Cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ: Ban Quản lý (Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Ban Quản lý tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh) chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở đối với công trình thuộc dự án có công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng thuộc chuyên ngành quản lý được xây dựng trên địa bàn hành chính của

tính theo quy định tại Điều 109 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP theo phân cấp (trừ các công trình do cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thẩm định theo phân cấp hiện hành).

2. Thành phần hồ sơ và thời gian giải quyết: Theo quy định của Bộ thủ tục hành chính được công bố và đăng tải trên Công thông tin điện tử của tỉnh Thừa Thiên Huế tại địa chỉ: <https://www.tthc.thuathienhue.gov.vn> và trên trang thông tin điện tử của Ban Quản lý tại địa chỉ: <https://www.bqlkktcn.thuathienhue.gov.vn>.

Điều 48. Thẩm duyệt, hồ sơ, thời gian thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy chữa cháy đối với hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công

1. Cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ: Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu hộ, cứu nạn - Công an tỉnh Thừa Thiên Huế hoặc Ban Quản lý (Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh).

2. Thành phần hồ sơ và thời gian giải quyết: Thực hiện theo quy định của Bộ thủ tục hành chính được công bố trên công thông tin điện tử của tỉnh Thừa Thiên Huế tại địa chỉ: <https://www.thuathienhue.gov.vn/> và trang thông tin điện tử của Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu hộ, cứu nạn - Công an tỉnh Thừa Thiên Huế tại địa chỉ: <https://congan.thuathienhue.gov.vn>.

Điều 49. Thẩm định, phê duyệt phương án trồng rừng thay thế diện tích rừng chuyển sang mục đích khác; quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác

Thực hiện theo quy định tại Điều 50 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 35/2021/QĐ-UBND.

Điều 50. Đăng ký công trình, dự án có chuyển đổi đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng; đất trồng lúa nước sang mục đích khác; nộp tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa khi chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp

Việc thực hiện đăng ký các công trình, dự án có chuyển đổi đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng; đất trồng lúa nước sang mục đích khác được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; Thông tư số 02/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai và quy định của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế.

Nộp tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa khi chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp theo quy định hiện hành của UBND tỉnh về mức thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

CHƯƠNG VII GIAO ĐẤT, CHO THUÊ ĐẤT; CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Điều 51. Trình tự thủ tục giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất

1. Đối với các dự án thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất: Sau khi thực hiện hoàn thành công tác thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng; hoàn thành thủ tục trồng rừng thay thế, chuyển mục đích sử dụng rừng theo quy định tại Điều 49 Quy định này (nếu có) nhà đầu tư nộp hồ sơ đề nghị giao đất, cho thuê đất như sau:

a) Đối với trường hợp dự án đầu tư trên địa bàn Khu kinh tế:

- Cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ: Ban Quản lý (Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Ban Quản lý tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh).

- Thành phần hồ sơ và thời gian giải quyết: Thực hiện theo quy định của Bộ thủ tục hành chính được công bố và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh Thừa Thiên Huế tại địa chỉ: <https://www.thuathienhue.gov.vn> và trên trang thông tin điện tử của Ban Quản lý tại địa chỉ: <https://www.bqlkktcn.thuathienhue.gov.vn>.

b) Đối với trường hợp dự án đầu tư trên địa bàn Khu công nghiệp:

Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 52 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 35/2021/QĐ-UBND.

2. Đối với dự án nhà đầu tư tự thỏa thuận, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án (không thuộc diện Nhà nước thu hồi đất theo quy định của pháp luật đất đai), trình tự thủ tục thực hiện như sau:

a) Thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất sau theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 35/2021/QĐ-UBND.

b) Thực hiện thủ tục giao đất, cho thuê đất theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

Điều 52. Trình tự thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được thực hiện theo quy định hiện hành của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế.

CHƯƠNG VIII CẤP PHÉP XÂY DỰNG

Điều 53. Cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ

Cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ: Ban Quản lý (Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Ban Quản lý tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh).

Điều 54. Thành phần hồ sơ và thời gian giải quyết

Theo quy định của Bộ thủ tục hành chính được công bố và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh Thừa Thiên Huế tại địa chỉ: <https://www.thc.thuathienhue.gov.vn> và trên trang thông tin điện tử của Ban Quản lý tại địa chỉ: <https://www.bqlkktcn.thuathienhue.gov.vn>.

**CHƯƠNG IX
TRIỂN KHAI DỰ ÁN****Điều 55. Xây dựng kế hoạch triển khai dự án**

Nhà đầu tư lập kế hoạch triển khai thực hiện dự án theo từng hạng mục tương ứng với chi phí đầu tư của các hạng mục gửi Ban Quản lý để kiểm tra giám sát quá trình triển khai thực hiện dự án.

Điều 56. Báo cáo kết quả triển khai dự án

Định kỳ hàng tháng, quý, năm, nhà đầu tư báo cáo kết quả thực hiện dự án gửi Ban Quản lý.

**CHƯƠNG X
NGHIỆM THU, BÀN GIAO, ĐƯA DỰ ÁN VÀO HOẠT ĐỘNG****Điều 57. Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng**

1. Trình tự, nội dung kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định tại khoản 1 Điều 58 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 35/2021/QĐ-UBND.

a) Cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ: Ban Quản lý (Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Ban Quản lý tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh).

b) Thành phần hồ sơ và thời gian giải quyết: Thực hiện theo quy định của Bộ thủ tục hành chính được công bố và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh Thừa Thiên Huế tại địa chỉ: <https://www.thuathienhue.gov.vn> và trên trang thông tin điện tử của Ban Quản lý tại địa chỉ: <https://www.bqlkktcn.thuathienhue.gov.vn>.

2. Kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy khi hoàn thành công trình để đưa vào sử dụng: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 58 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 35/2021/QĐ-UBND.

Điều 58. Xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án (nếu có)

1. Cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ: Ban Quản lý (Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Ban Quản lý tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh).

2. Thành phần hồ sơ và thời gian giải quyết: Thực hiện theo quy định của Bộ thủ tục hành chính được công bố trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh Thừa

Thiên Huế tại địa chỉ: <https://www.thuathienhue.gov.vn> và trang thông tin điện tử của Ban Quản lý tại địa chỉ: <https://www.bqlkktcn.thuathienhue.gov.vn>.

CHƯƠNG XI

HỖ TRỢ, GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ

Điều 59. Xây dựng kế hoạch hỗ trợ đầu tư

1. Đối với các dự án sau khi được chấp thuận nhà đầu tư, phê duyệt kết quả đấu thầu, Ban Quản lý chủ trì phối hợp với các sở, ngành, địa phương có liên quan xây dựng kế hoạch hỗ trợ thủ tục đầu tư trình UBND tỉnh ban hành làm cơ sở hỗ trợ đẩy nhanh tiến độ đến khi được nhà nước giao đất, thuê đất, cấp phép xây dựng.

2. Đối với dự án đấu giá quyền sử dụng đất, thuê đất thực hiện dự án, sau khi được UBND tỉnh phê duyệt kết quả trúng đấu giá, Ban Quản lý chủ trì phối hợp với các sở, ngành, địa phương có liên quan xây dựng kế hoạch hỗ trợ thủ tục đầu tư trình UBND tỉnh ban hành làm cơ sở hỗ trợ đẩy nhanh tiến độ đến khi được nhà nước giao đất, thuê đất, cấp phép xây dựng.

Điều 60. Kiểm tra, giám sát hỗ trợ đầu tư

1. Ban Quản lý chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan căn cứ kế hoạch triển khai dự án tại Điều 55 Quy định này; các kế hoạch được UBND tỉnh ban hành tại Điều 59 Quy định này, tổ chức kiểm tra hoặc tự tổ chức giám sát hỗ trợ đầu tư đối với các nội dung theo quy định tại Điều 61 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 35/2021/QĐ-UBND.

2. Trong quá trình kiểm tra, giám sát đầu tư, Ban Quản lý rà soát, tổng hợp danh sách nhà đầu tư không thực hiện đúng nội dung chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để xử phạt vi phạm hành chính hoặc đề xuất xử lý theo quy định; kiểm tra tiến độ sử dụng đất, tổng hợp các trường hợp vi phạm quy định của pháp luật đất đai gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để xử lý hoặc đề xuất xử lý theo quy định.

Điều 61. Hình thức tổ chức giám sát và chế độ báo cáo

1. Đối với các dự án thuộc trường hợp đôn đốc hỗ trợ nằm trong danh mục được cấp có thẩm quyền phê duyệt, định kỳ 6 tháng, hàng năm, Ban Quản lý tổ chức giám sát. Đối với các dự án thuộc trường hợp rà soát thu hồi và giám sát đặc biệt nằm trong danh mục được cấp có thẩm quyền phê duyệt, định kỳ hàng quý Ban Quản lý thành lập đoàn liên ngành tổ chức giám sát. Trường hợp đặc biệt, đột xuất theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền, các cơ quan tổ chức thực hiện giám sát theo chỉ đạo.

2. Quá trình giám sát đầu tư dự án và kết quả thực hiện phải được các cơ quan chức năng liên quan cập nhật thường xuyên và kịp thời trên Hệ thống phần mềm giám sát, quản lý dự án đầu tư. Nội dung tổ chức giám sát theo các Mẫu số 07, 08, 09 Phụ lục đính kèm Quy định này.

Chương XII TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 62. Quy định chuyển tiếp

Thực hiện theo quy định tại Điều 77 Luật Đầu tư và theo quy định tại các Điều 114, 115, 116, 117, 118, 119, 120, 121, 122, 123, 124, 125, 126, 127, 128, 129, 130 Mục 2 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

Điều 63. Công khai thông tin đầu tư

Thực hiện theo quy định tại Điều 64 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 35/2021/QĐ-UBND.

Điều 64. Quyền lợi và nghĩa vụ của nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư chỉ liên hệ với cơ quan chủ trì thụ lý hồ sơ mà không phải liên hệ với các cơ quan khác để được giải quyết trong thời gian quy định.

2. Nhà đầu tư có thể thực hiện các thủ tục hành chính song song và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính pháp lý, tính chính xác của nội dung hồ sơ, dự án do mình lập và nộp tại các cơ quan quản lý nhà nước.

3. Nhà đầu tư được quyền yêu cầu các cơ quan chức năng cung cấp các thông tin về quy hoạch, về ưu đãi đầu tư; được hưởng các chế độ chính sách ưu đãi theo đúng quy định của nhà nước. Sau khi dự án được quyết định chủ trương đầu tư hoặc cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, nhà đầu tư được quyền yêu cầu các cơ quan chức năng thực hiện việc xem xét thẩm định hồ sơ theo đúng thời hạn quy định. Trong quá trình thực hiện dự án, nhà đầu tư được quyền đề nghị các cơ quan chức năng phối hợp xử lý các vấn đề khó khăn vướng mắc.

4. Nhà đầu tư có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện dự án theo đúng các quy định của pháp luật, đúng theo tiến độ đăng ký. Sau khi được cấp quyết định chủ trương đầu tư, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, hàng tháng nhà đầu tư có trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện dự án định kỳ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc tháng báo cáo. Đối với các dự án đã đi vào hoạt động, hàng tháng nhà đầu tư có trách nhiệm báo cáo tình hình hoạt động định kỳ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc tháng báo cáo.

5. Nhà đầu tư gửi báo cáo bằng văn bản và trực tuyến trên Hệ thống phần mềm giám sát, quản lý dự án đầu tư.

Điều 65. Trách nhiệm các cơ quan quản lý nhà nước của tỉnh

1. Các sở, ban, ngành của tỉnh, UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan đóng trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, hướng dẫn cụ thể; kịp thời xử lý các vướng mắc và giải quyết nhanh gọn các thủ tục liên quan cho nhà đầu tư trong quá trình nghiên cứu, triển khai thực hiện dự án; phối hợp với cơ quan chủ trì, khi cần thiết phải có ý kiến bằng văn bản trong thời gian quy định và chịu trách nhiệm về các vấn đề thuộc chức năng và thẩm quyền quản lý nhà nước về lĩnh vực chuyên môn hoặc địa bàn do mình phụ trách.

2. Việc chia sẻ thông tin liên quan đến hồ sơ dự án đầu tư được cập nhật và khai thác tại Hệ thống phần mềm giám sát, quản lý dự án đầu tư.

3. Các cơ quan chủ trì tiếp nhận hồ sơ, cơ quan phối hợp và cơ quan phê duyệt có trách nhiệm thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục cho nhà đầu tư theo cơ chế một cửa theo quy định hiện hành.

4. Các sở, ban, ngành của tỉnh, UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan đóng trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm cử đại diện có chuyên môn tham dự các cuộc họp thẩm định, giải quyết các nội dung liên quan đến dự án đầu tư theo giấy mời; trên cơ sở nội dung thảo luận tại cuộc họp, trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày tổ chức cuộc họp, các đơn vị có ý kiến bằng văn bản gửi cơ quan chủ trì họp. Trường hợp lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản, sau thời gian quy định, các đơn vị được lấy ý kiến có văn bản gửi cơ quan chủ trì.

Điều 66. Tổ chức thực hiện

1. Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành liên quan; Chủ tịch UBND cấp huyện căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan mình chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các quy định tại Quy định này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, trường hợp có khó khăn, vướng mắc, các nhà đầu tư, các tổ chức liên quan kịp thời gửi ý kiến bằng văn bản đến Ban Quản lý để tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét, sửa đổi cho phù hợp./.



PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 14/2021/QĐ-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

- Mẫu số 01 Văn bản ý kiến thẩm định chủ trương đầu tư của Sở Xây dựng
- Mẫu số 02 Văn bản ý kiến thẩm định chủ trương đầu tư của Sở Tài nguyên và Môi trường
- Mẫu số 03 Văn bản báo cáo kết quả thẩm định về công nghệ của Sở Khoa học và Công nghệ
- Mẫu số 04 Văn bản ý kiến thẩm định chủ trương đầu tư của các sở, ngành (trừ Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ)
- Mẫu số 05 Văn bản ý kiến thẩm định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp huyện
- Mẫu số 06 Văn bản tổng hợp ý kiến thẩm định của cơ quan đầu mối
- Mẫu số 07 Nội dung giám sát, đánh giá dự án trước khi khởi công
- Mẫu số 08 Nội dung giám sát, đánh giá định kỳ dự án trong giai đoạn thực hiện đầu tư
- Mẫu số 09 Nội dung giám sát, đánh giá dự án trước khi khai thác, vận hành

Mẫu số 01

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....-.....
 V/v ý kiến thẩm định dự án đầu
 tư

Thừa Thiên Huế, ngày.... tháng.... năm 20....

Kính gửi: Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế.

Ngày...., Sở Xây dựng nhận được Văn bản số của Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế về việc xin ý kiến thẩm định dự án tại ... của nhà đầu tư.....

Sau khi kiểm tra các nội dung dự án đề xuất ... , các quy hoạch và các quy định của pháp luật, sở Xây dựng có ý kiến như sau:

1. Về sự phù hợp với quy hoạch xây dựng:..... (nêu rõ dự án phù hợp hay không phù hợp với các quy hoạch xây dựng trên địa bàn).

2. Sự phù hợp về quy mô diện tích đất dự kiến thực hiện dự án của nhà đầu tư (nêu rõ cơ sở của sự phù hợp hay không phù hợp về quy mô diện tích).

3. Các nội dung khác có liên quan.

4. Đánh giá về sự cần thiết đầu tư.

5. Kiến nghị, đề xuất UBND tỉnh:

- Kiến nghị quyết định hoặc không quyết định chủ trương đầu tư (trong đó nêu rõ lý do của kiến nghị, đề xuất).

- Kiến nghị UBND tỉnh về các đề xuất của nhà đầu tư thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý của ngành;

- Kiến nghị các giải pháp để tổ chức triển khai, quản lý dự án có hiệu quả, theo đúng quy định của pháp luật và các nội dung liên quan khác.

6. Những yêu cầu đối với nhà đầu tư trong việc lập quy hoạch và triển khai thực hiện dự án.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
 (Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
 - Như trên;
 -

Mẫu số 02

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....-.....
 V/v ý kiến thẩm định dự án đầu
 tư

Thừa Thiên Huế, ngày... tháng... năm 20....

Kính gửi: Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế.

Ngày....., Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được Văn bản số của Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế về việc xin ý kiến thẩm định dự án tại ... của nhà đầu tư.....

Sau khi kiểm tra các nội dung dự án đề xuất, các quy hoạch và các quy định của pháp luật, Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

1. Về sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; nhu cầu sử dụng đất (bao gồm sự phù hợp về quy mô diện tích đất dự kiến thực hiện dự án của nhà đầu tư); điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất (đối với các dự án thuộc trường hợp giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất).

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

3. Các nội dung khác có liên quan.

4. Kiến nghị, đề xuất UBND tỉnh:

- Kiến nghị quyết định hoặc không quyết định chủ trương đầu tư (trong đó nêu rõ lý do của kiến nghị, đề xuất);

- Kiến nghị UBND tỉnh về các đề xuất của nhà đầu tư;

- Kiến nghị các giải pháp để tổ chức triển khai, quản lý dự án có hiệu quả, theo đúng quy định của pháp luật và các nội dung liên quan khác.

5. Những yêu cầu đối với nhà đầu tư trong việc sử dụng đất và triển khai thực hiện dự án.

(kèm theo bản đồ trích lục khu đất thực hiện dự án)

Nơi nhận:

- Như trên;

-

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 03
CƠ QUAN THẨM ĐỊNH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....-.....
 V/v ý kiến thẩm định dự án ...

Thừa Thiên Huế, ngày.... tháng.... năm 20....

Kính gửi: Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế.

Ngày....., Sở Khoa học và Công nghệ nhận được Văn bản số của Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế về việc xin ý kiến thẩm định dự ántại của nhà đầu tư..... Cơ quan thẩm định có ý kiến thẩm định như sau:

1. Tóm tắt dự án đầu tư

Cần nêu một số nội dung cơ bản nhất sau đây trong phần đầu của Văn bản thẩm định:

1.1. Mục tiêu dự án đầu tư.

1.2. Tổng vốn đầu tư

1.3. Địa điểm thực hiện dự án đầu tư (vị trí, diện tích ...).

2. Nhận xét về dự án đầu tư

2.1. Về cơ sở khoa học của dự án:

Với mục tiêu nêu ở phần trên, cần đối chiếu với chủ trương, chính sách, quy hoạch của nhà nước xem có cần thiết, có phù hợp không và xem xét ý nghĩa kinh tế - xã hội của dự án để đưa ra chính kiến của Cơ quan thẩm định công nghệ là ủng hộ hay phản đối mục tiêu của dự án. Có nhiều mức độ khác nhau để thể hiện chính kiến:

- Các cơ sở pháp lý, cơ sở khoa học của dự án đầu tư.
- Nếu dự án thuộc loại đặc biệt khuyến khích đầu tư, thực hiện thì trong bản nhận xét cần thể hiện cơ quan tổ chức thẩm định hoàn toàn nhất trí với mục tiêu của dự án và đề nghị dự án sớm được thực hiện.
- Nếu dự án thuộc loại khuyến khích đầu tư, thực hiện thì trong bản nhận xét cần thể hiện sự ủng hộ của cơ quan tổ chức thẩm định qua việc nhận xét dự án nên được khuyến khích đầu tư.
- Nếu dự án thuộc các loại trên nhưng có những điểm cần lưu ý thì trong Văn bản thể hiện sự đồng ý với mục tiêu của dự án và lưu ý các vấn đề cần bổ sung, làm rõ.
- Nếu dự án thuộc loại đầu tư có điều kiện thì cần thận trọng khi góp ý kiến và phải xem xét kỹ dự án có thỏa mãn các điều kiện theo quy định hay không để có ý kiến trong từng trường hợp cụ thể.
- Nếu dự án không phù hợp với các chủ trương, chính sách, quy hoạch của Nhà nước thì cần tỏ rõ chính kiến không đồng ý với mục tiêu của dự án đầu tư.

2.2. Về công nghệ và thiết bị:

2.2.1. Về công nghệ:

- Nêu rõ công nghệ thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao hoặc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao hoặc Danh mục công nghệ cấm chuyển giao theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

- Nêu tóm tắt công nghệ của dự án: Quy trình công nghệ, đặc điểm nổi bật của công nghệ v.v...

- Nhận xét trực tiếp về công nghệ: Sự hoàn thiện của công nghệ, mức độ tiên tiến của dây chuyền công nghệ, tính mới của công nghệ, tính thích hợp của công nghệ, phương án lựa chọn công nghệ.

- Nhận xét những yếu tố gián tiếp của công nghệ: Về nguyên nhiên vật liệu, linh kiện, phụ tùng cho sản xuất; sự phù hợp của địa điểm thực hiện dự án đối với dây chuyền công nghệ, v.v...

- Nếu có nội dung chuyển giao công nghệ thì lưu ý chủ đầu tư cần thực hiện theo các quy định hiện hành của pháp luật về chuyển giao công nghệ. Trong trường hợp nếu dự án đầu tư có góp vốn bằng công nghệ thì cần xem xét dự thảo hợp đồng chuyển giao công nghệ có phù hợp với quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ không?

2.2.2. Về thiết bị:

Nêu nhận xét về thiết bị sử dụng trong dự án: Dây chuyền thiết bị có phù hợp với mục tiêu của dự án không? có đồng bộ không? Thiết bị của dự án là mới hay cũ?

Nếu dự án đầu tư có liệt kê danh sách máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng dự kiến nhập khẩu, cần có nhận xét về các nội dung: mức độ cũ của máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ (năm sản xuất, thời gian đã sử dụng, thời gian sử dụng còn lại, ...); Nguồn gốc, xuất xứ của máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ; sự phù hợp của các đặc tính kỹ thuật chính của máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng với các quy định về an toàn, tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường.

2.3. Về những vấn đề khác có liên quan (nếu có):

- Năng lực chuyên môn, năng lực tài chính (khả năng huy động vốn, hoàn vốn, trả nợ...), tư cách pháp nhân của chủ đầu tư .

- Các yếu tố ảnh hưởng của công nghệ đối với môi trường và các giải pháp công nghệ xử lý môi trường, các nguy cơ tiềm ẩn sự cố môi trường và cách phòng ngừa.

- Lao động và đào tạo cán bộ, công nhân kỹ thuật bảo đảm vận hành dây chuyền công nghệ.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: ...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 04

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....-.....
V/v ý kiến thẩm định dự án đầu
tư

Thừa Thiên Huế, ngày.... tháng.... năm 20....

Kính gửi: Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế.

Ngày....., Sở, ngành có nhận được Văn bản số..... của Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế về việc xin ý kiến thẩm định dự ántại.....của nhà đầu tư....

Sau khi kiểm tra các nội dung dự án đề xuất, các quy hoạch và các quy định của pháp luật, sở,..... có ý kiến như sau như sau:

1. Về sự phù hợp với quy hoạch ngành:..... (*nêu rõ dự án phù hợp hay không phù hợp với quy hoạch ngành thuộc trách nhiệm quản lý của cơ quan thẩm định*).

2. Sự phù hợp nội dung dự án với các quy chuẩn, tiêu chuẩn, điều kiện của ngành (*nếu có hoặc cần thiết*);

3. Đánh giá về sự cần thiết đầu tư, hiệu quả dự án, năng lực tài chính (khả năng huy động vốn, vốn chủ sở hữu, hoàn vốn, trả nợ...).

4. Các nội dung khác có liên quan.

5. Kiến nghị, đề xuất UBND tỉnh:

- Kiến nghị quyết định hoặc không quyết định chủ trương đầu tư (*trong đó nêu rõ lý do của kiến nghị, đề xuất*);

- Kiến nghị UBND tỉnh về các đề xuất của nhà đầu tư;

- Kiến nghị các giải pháp để tổ chức triển khai, quản lý dự án có hiệu quả, theo đúng quy định của pháp luật và các nội dung liên quan khác.

6. Những yêu cầu đối với nhà đầu tư và dự án đầu tư (*trường hợp dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện thì phải nêu rõ điều kiện, yêu cầu nhà đầu tư, dự án đầu tư phải đáp ứng, thời điểm thực hiện các điều kiện, cơ quan thẩm định cấp giấy phép điều kiện...*).

Nơi nhận:

- Như trên;
-

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THẨM ĐỊNH

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 05

ỦY BAN NHÂN DÂN.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....-.....

V/v ý kiến thẩm định dự án
đầu tư

Thừa Thiên Huế, ngày.... tháng.... năm 20....

Kính gửi: Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế.

Ngày....., Ủy ban nhân dân..... có nhận được Văn bản số của Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế về việc xin ý kiến thẩm định dự ántại của nhà đầu tư.....

Sau khi kiểm tra các nội dung dự án đề xuất , các quy hoạch và các quy định của pháp luật, UBND..... báo cáo như sau:

1. Báo cáo về hiện trạng sử dụng đất: trong đó phải báo cáo rõ nguồn gốc đất đai, hiện trạng đang được sử dụng (nêu rõ diện tích khu đất, đối tượng sử dụng đất, các công trình, vật kiến trúc, tài sản trên đất...), đấu nối hạ tầng.;

2. Sự phù hợp của dự án với các quy hoạch, định hướng phát triển của địa phương:... (nêu rõ sự phù hợp của dự án với từng loại quy hoạch, định hướng phát triển của địa phương).

3. Các nội dung khác có liên quan.

4. Đánh giá sự cần thiết đầu tư, hiệu quả dự án đối với sự phát triển của địa phương;

5. Kiến nghị, đề xuất UBND tỉnh:

- Kiến nghị quyết định hoặc không quyết định chủ trương đầu tư (trong đó nêu rõ lý do kiến nghị, đề xuất);

- Kiến nghị về các đề xuất của nhà đầu tư;

- Kiến nghị các giải pháp để tổ chức triển khai, quản lý dự án có hiệu quả, theo đúng quy định của pháp luật và các nội dung liên quan khác.

6. Những yêu cầu đối với nhà đầu tư trong việc lập quy hoạch và triển khai thực hiện dự án.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THẨM**ĐỊNH***(Ký tên, đóng dấu)*

Mẫu số 06

**CƠ QUAN TỔNG HỢP
THẨM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....-.....
V/v báo cáo kết quả thẩm định
dự án đầu tư

Thừa Thiên Huế, ngày.... tháng.... năm 20....

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh.

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Quyết định số 1070/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 32/2019/QĐ-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Quyết định số 35/2021/QĐ-UBND ngày 04 tháng 06 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quy định về trình tự thủ tục thực hiện, giám sát, quản lý dự án đầu tư và xây dựng không sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Quyết định số/2021/QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quy định về trình tự thủ tục thực hiện, giám sát, quản lý dự án đầu tư và xây dựng không sử dụng vốn ngân sách nhà

nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế địa bàn khu kinh tế, khu công nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo donộp ngày và hồ sơ bổ sung nộp ngày (nếu có);

Căn cứ ý kiến thẩm định của các sở, ban, ngành, địa phương tại các văn bản.....

Cơ quan đầu mối tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét quyết định chủ trương đầu tư dự án với các nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin về Nhà đầu tư đề xuất thực hiện dự án

Đối với nhà đầu tư là cá nhân: Phải ghi rõ họ tên; ngày tháng năm sinh; số chứng minh nhân dân, ngày cấp, nơi cấp; địa chỉ thường trú, chỗ ở hiện tại; số điện thoại liên lạc; địa chỉ email).

Đối với nhà đầu tư là tổ chức: Ghi rõ tên tổ chức; số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập, cơ quan cấp; địa chỉ trụ sở chính, điện thoại liên lạc, địa chỉ email; họ và tên người đại diện theo pháp luật, ngày tháng năm sinh, quốc tịch, địa chỉ thường trú, chỗ ở hiện tại, số điện thoại, địa chỉ email; ngành nghề kinh doanh, hoạt động của doanh nghiệp, tổ chức.

II. Nội dung dự án do nhà đầu tư đề xuất

1. Tên dự án đầu tư:

2. Mục tiêu dự án:

3. Quy mô dự án:

4. Địa điểm thực hiện dự án:

5. Diện tích mặt đất, mặt nước sử dụng (nếu có): m² hoặc ha

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: (bằng chữ) đồng, tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ.

Trong đó:

6.1. Vốn góp để thực hiện dự án là: (bằng chữ) đồng, tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ, chiếm tỷ lệ% tổng vốn đầu tư.

Tiến độ, tỷ lệ và phương thức góp vốn (ghi chi tiết theo từng nhà đầu tư):

(VD: Công ty TNHH A góp 1.000.000.000 (một tỷ) đồng, tương đương 48.000 (bốn mươi tám nghìn) đô la Mỹ, bằng tiền mặt, chiếm 40% vốn góp, trong vòng 3 tháng kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh).

6.2. Vốn huy động (ghi rõ giá trị, nguồn vốn):(bằng chữ) đồng, tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ.

6.3. Vốn khác:(bằng chữ) đồng, tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ

7. Thời hạn hoạt động của dự án: năm, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chủ trương đầu tư.

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

- Tiến độ xây dựng cơ bản:

- Tiến độ đưa công trình vào hoạt động (nếu có):
- Tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động, hạng mục chủ yếu của dự án (trường hợp dự án thực hiện theo từng giai đoạn, phải quy định mục tiêu, thời hạn, nội dung hoạt động của từng giai đoạn).

9. Công nghệ áp dụng (nếu có):

10. Các kiến nghị và cam kết của nhà đầu tư:

III. Các đơn vị được lấy ý kiến thẩm định:

- Đơn vị được lấy ý kiến thẩm định:

- Đơn vị có văn bản thẩm định:

Trường hợp đến hết thời hạn xin ý kiến cơ quan thẩm định không có ý kiến bằng văn bản thì được coi là đồng ý với các nội dung của dự án và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về các nội dung liên quan đến lĩnh vực quản lý của ngành, địa phương mình.

IV. Tổng hợp kết quả thẩm định

Trên cơ sở kết quả thẩm định của các cơ quan liên quan, cơ quan đầu mối thẩm định tổng hợp kết quả thẩm định gồm các nội dung sau:

1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch xây dựng;

2. Nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất (đối với dự án được giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất);

3. Điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài (đối với dự án có mục tiêu thuộc ngành, nghề đầu tư có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài);

4. Ưu đãi đầu tư và điều kiện hưởng ưu đãi đầu tư (đối với dự án thuộc đối tượng hưởng ưu đãi đầu tư);

5. Công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư (đối với dự án sử dụng công nghệ hạn chế chuyên giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 32 Luật Đầu tư);

6. Đánh giá về sự cần thiết đầu tư, hiệu quả dự án;

7. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

V. Nhận xét và kiến nghị:

Trên cơ sở ý kiến thẩm định của các cơ quan liên quan và nội dung dự án đề xuất, cơ quan đầu mối thẩm định đưa ra ý kiến đánh giá, nhận xét chung và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc không quyết định chủ trương đầu tư.

Trường hợp đề xuất quyết định chủ trương đầu tư, cơ quan đầu mối thẩm định dự thảo quyết định chủ trương đầu tư của cơ quan có thẩm quyền theo mẫu quy định tại Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

<p><i>Nơi nhận:</i> - Như trên;</p>	<p>THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐẦU MỐI (Ký tên, đóng dấu)</p>
---	---

Mẫu số 07**I. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN****1. Nhà đầu tư***a) Nhà đầu tư thứ nhất:*

- Tên nhà đầu tư:
- Địa chỉ trụ sở giao dịch chính, số điện thoại, địa chỉ email...:
- Số vốn góp, tỷ lệ vốn góp:

b) Nhà đầu tư tiếp theo:

- Tên nhà đầu tư:
- Địa chỉ trụ sở giao dịch chính, số điện thoại, địa chỉ email...:
- Số vốn góp, tỷ lệ vốn góp:

2. Tổ chức kinh tế (doanh nghiệp dự án):

- Tên doanh nghiệp:
- Các thông tin để giao dịch (*địa chỉ doanh nghiệp, số điện thoại, địa chỉ email...*):
- Đăng ký kinh doanh (*số, ngày, nơi cấp*):
- Thông tin về người đại diện theo pháp luật:
- Vốn điều lệ:
- Vốn pháp định (nếu có):

3. Dự án đầu tư:

- Tên dự án:
- Địa điểm thực hiện:
- Văn bản quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có):
- Diện tích đất sử dụng:
- Mục tiêu, quy mô:
- Tổng vốn đầu tư, nguồn vốn:
- Thời hạn hoạt động, tiến độ thực hiện của dự án:
- Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và điều kiện áp dụng (nếu có):
- Các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án (nếu có):

II. TÌNH HÌNH CHUẨN BỊ THỰC HIỆN DỰ ÁN**1. Tình hình và khả năng huy động vốn cho dự án:**

- Việc góp vốn chủ sở hữu:
- Việc huy động vốn vay:
- Việc huy động nguồn vốn hợp pháp khác (nếu có):

2. Tình hình chuẩn bị thực hiện dự án:

- a) Thực hiện thủ tục về giao đất, giao lại đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai (đối với dự án được

nhà nước giao đất, giao lại đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất);

b) Công tác GPMB và tái định cư (nếu có);

c) Thực hiện thủ tục về xây dựng, môi trường theo quy định của pháp luật về xây dựng, môi trường (nếu có).

3. Các vướng mắc phát sinh (nếu có):

III. KIẾN NGHỊ

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền về các biện pháp hỗ trợ, xử lý những khó khăn của dự án (nếu có)./.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN GIÁM SÁT

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 08**I. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN**

Ghi nội dung quy định tại phần I mẫu số 7.

(Nội dung này chỉ báo cáo một lần vào kỳ đầu tiên sau khi dự án được khởi công hoặc sau khi dự án được điều chỉnh làm thay đổi các thông tin về dự án).

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN**1. Tiến độ thực hiện dự án và tiến độ thực hiện mục tiêu của dự án:**

- Tiến độ chuẩn bị dự án:
- Tiến độ giải phóng mặt bằng (nếu có):
- Tiến độ xây dựng cơ bản (nếu có):
- Tiến độ mua máy móc thiết bị, lắp đặt, vận hành chạy thử (nếu có):
- Tiến độ thực hiện các hạng mục, phân kỳ đầu tư (nếu có):
- Tiến độ hoạt động sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ:
- Tiến độ thực hiện các mục tiêu đầu tư:

2. Tiến độ góp vốn đầu tư, vốn điều lệ, vốn pháp định (nếu có):**a) Tiến độ góp vốn:**

STT	Loại vốn	Số vốn góp trong kỳ	Số vốn góp lũy kế đến thời điểm báo cáo
1	Vốn đầu tư		
2	Vốn điều lệ		
3	Vốn pháp định		

b) Nguồn vốn:

STT	Nguồn vốn	Số vốn góp trong kỳ	Số vốn góp lũy kế đến thời điểm báo cáo
1	Vốn chủ sở hữu		
2	Vốn vay các tổ chức tín dụng		
3	Mua máy móc, thiết bị, nguyên liệu trả chậm		
4	Nguồn vốn huy động khác		
	Cộng		

3. Việc thực hiện các quy định về các vấn đề liên quan:

- Về việc sử dụng đất và các nguồn tài nguyên khác:
- Về các yêu cầu bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ:
- Việc đáp ứng các điều kiện đầu tư kinh doanh đối với các dự án thuộc ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện:

- Việc đáp ứng các quy định tại văn bản quyết định chủ trương đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có).

4. Tình hình thực hiện ưu đãi đầu tư (nếu có)

5. Khó khăn, vướng mắc trong thực hiện dự án (nếu có).

III. KIẾN NGHỊ

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền về các biện pháp hỗ trợ, xử lý những khó khăn của dự án (nếu có)./.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN GIÁM SÁT
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 09**I. THÔNG TIN DỰ ÁN**

Ghi các nội dung quy định tại phần I của mẫu số 7.

II. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ

1. Đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu (*đánh giá kết quả đạt được so với kế hoạch ban đầu; nêu những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án dẫn đến không đạt mục tiêu như kế hoạch ban đầu, trừ mục tiêu kinh doanh*):

- Những mục tiêu về xây dựng dự án, tạo lập dự án, doanh nghiệp;
- Những mục tiêu về quy mô;
- Những mục tiêu khác.

2. Đánh giá kết quả huy động các nguồn lực (*đánh giá kết quả đạt được so với kế hoạch ban đầu; nêu những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án dẫn đến không đạt mục tiêu như kế hoạch ban đầu*):

- Nguồn lực tài chính (vốn chủ sở hữu, vốn vay và huy động khác, mua, thuê máy móc thiết bị trả chậm):
- Nguồn nguyên liệu;
- Đất và các nguồn tài nguyên thiên nhiên khác:
- Nguồn lực lao động, chất xám, công nghệ;
- Các nguồn lực về cơ sở hạ tầng kỹ thuật, như: điện, nước, giao thông...
- Các nguồn lực khác.

3. Đánh giá tiến độ thực hiện (*đánh giá kết quả đạt được so với kế hoạch ban đầu; nêu những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án dẫn đến không đạt mục tiêu như kế hoạch ban đầu. Đặc biệt những vướng mắc về chế độ, chính sách, thủ tục hành chính...; sự phối hợp giữa nhà đầu tư và các cơ quan quản lý, sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước.*):

- Tiến độ chuẩn bị dự án:
- Tiến độ giải phóng mặt bằng:
- Tiến độ xây dựng:
- Tiến độ mua máy móc thiết bị, lắp đặt, vận hành chạy thử:
- Tiến độ huy động vốn.

4. Đánh giá về lợi ích của dự án (*nêu những lợi ích do dự án mang lại trong quá trình thực hiện, dự tính những lợi ích dự án sẽ mang lại trong quá trình hoạt động kinh doanh*).

III. KIẾN NGHỊ

Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền về các biện pháp hỗ trợ, xử lý những khó khăn của dự án (nếu có).

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN GIÁM SÁT
(*Ký tên, đóng dấu*)